

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2021/DS-PT.

Ngày: 19/11/2021.

V/v: “*Tranh chấp đòi lại
quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Luông

Các Thẩm phán: Ông Võ Thái Sơn
Ông Nguyễn Đình Tiến

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 68/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 7 năm 2021 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 95/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1958.
2. Chị Hồ Xuân H, sinh năm 1982.
3. Chị Hồ Thị Thanh N, sinh năm 1990.
4. Anh Hồ Minh Đ, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn: Anh Châu Hòa V, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp D, xã E, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Theo xác định của cấp sơ thẩm)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị B: Luật sư Đoàn Văn Đ1 - Văn phòng luật sư Văn Đ1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ; Địa chỉ: Số 595, đường 30 tháng 4, phường H, quận I, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:*

1. Ông Mã Chánh L (tên gọi khác: T), sinh năm 1954.

2. Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1955.

Cùng địa chỉ: Ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của các bị đơn: Bà Mã Thanh H1, sinh năm 1983; Địa chỉ: 232/1, Ấp K, thị trấn L, huyện M, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Mã Chánh L và bà Nguyễn Thị B1: Luật sư Nguyễn Phúc D - Văn phòng luật sư Nguyễn T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hậu Giang; Địa chỉ: Số 37, Ngô Quốc Trị, phường N, thành phố O, tỉnh Hậu Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Hồ Thị Thanh N1, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

(Theo xác định của cấp sơ thẩm)

- *Người kháng cáo:* Ông Mã Chánh L, bà Nguyễn Thị B1 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 6 năm 2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 13 tháng 8 năm 2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn có ông Châu Hòa V trình bày:

Vào năm 2004, ông Hồ Thanh N2 có cho ông Mã Chánh L và bà Nguyễn Thị B1 mượn con mương ngang 05m, dài 29m để vợ chồng ông L, bà B1 mở rộng ao nuôi cá. Hai bên thỏa thuận khi nào ông N2 cần thì vợ chồng ông L, bà B1 sẽ trả lại. Việc thỏa thuận này không có lập thành văn bản vì hai bên bà B1 và bà B (vợ ông N2) là chị em ruột. Trong quá trình sử dụng mương ông L, bà B1 có lấp mương, xây dựng tường rào, nhà bếp; gia đình ông N2 có ngăn cản nhưng ông L, bà B1 cam kết sẽ tháo dỡ và trả đất khi gia đình ông N2 cần sử dụng. Tháng 4/2016, gia đình ông N2 có nhu cầu sử dụng đất nên yêu cầu ông L và bà B1 trả lại đất, nhưng phía ông L không đồng ý nên các thành viên hộ ông N2 khởi kiện ông L và bà B1 trả lại phần đất có diện tích 138m² theo diện tích đo đạc ngày 27/12/2017. Phần đất tranh chấp hộ ông N2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất vào ngày 15/10/1996, thuộc thửa 163, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc Ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Năm 2020, ông Hồ Thanh N2 chết, các thành viên hộ ông Hồ Thanh N2 và những người thừa kế của ông N2 gồm bà Nguyễn Thị B, chị Hồ Xuân H, chị Hồ Thị Thanh N, anh Hồ Minh Đ tiếp tục khởi kiện yêu cầu ông Mã Chánh L và bà Nguyễn Thị B1 trả lại phần đất có diện tích 138m².

Quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Mã Thanh H1 trình bày:

Giữa đất gia đình bị đơn và nguyên đơn có một con mương chung, ngang khoảng 06m, mỗi bên sử dụng một nửa. Năm 2000, bị đơn có thỏa thuận mua nửa con mương và mua thêm 01m đất bờ của nguyên đơn, chiều dài 28m, tổng cộng diện tích là 112m². Giá mua bán là 02 chỉ vàng 24k và 1.600.000 đồng. Do bà B1 và bà B là chị em nên hai bên không làm giấy tờ gì, chỉ giao đất, giao tiền, vàng là xong. Quá trình sử dụng, năm 2001 bị đơn có xây dựng tường ranh kiên cố và ông N2 là người được bị đơn thuê xây dựng bức tường này. Đồng thời, bị đơn đã san lấp hai đầu mương để làm công trình phụ là chuồng gà, khi xây dựng không có ai ngăn cản, tranh chấp.

Nay nguyên đơn kiện đòi lại đất, bị đơn không đồng ý và yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng phần đất tranh chấp là 138m² theo diện tích đo đạc ngày 27/12/2017 cho bị đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Hồ Thị Thanh N1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn K, ông Trần Văn N3 và ông Võ Ngọc T khai thống nhất như sau: Ông N2 có bán cho ông L, bà B1 phần đất giáp ranh và ông L mượn ông N2 xây tường rào làm ranh. Tuy nhiên, các ông không rõ diện tích và giá mua bán phần đất này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn gồm Nguyễn Thị B, Hồ Thanh H, Hồ Thị Thanh N và Hồ Minh Đ.

Buộc ông Mã Chánh L và bà Nguyễn Thị B1 phải trả lại cho bà Nguyễn Thị B, Hồ Thanh H, Hồ Thị Thanh N và Hồ Minh Đ phần đất diện tích 138m² tọa lạc tại Ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang, loại đất CLN, thuộc một phần thửa 163 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0001000 do hộ ông Hồ Văn N2 đứng tên chủ sử dụng (*Kèm theo Mảnh trích đo địa chính số 10/CNVPĐKĐĐ*

duyet ngày 06/4/2018 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Hậu Giang). Đối với các thành viên hộ gia đình ông Hồ Thanh N2 gồm Nguyễn Thị B, Hồ Xuân H, Hồ Thị Thanh N, Hồ Minh Đ và Hồ Thị Thanh N1 có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Công nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn trả lại cho ông Mã Chánh L, bà Nguyễn Thị B1 giá trị tài sản trên đất là 12.681.000 đồng (Mười hai triệu sáu trăm tám mươi một ngàn đồng).

Kể từ ngày ông Mã Chánh L và bà Nguyễn Thị B1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu hộ Hồ Thanh N2 chậm trả số nêu trên thì hàng tháng các nguyên đơn còn phải trả cho ông L, bà B1 số tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, lãi suất được áp dụng theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và trích lục hồ sơ; quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021, bị đơn ông Mã Chánh L, bà Nguyễn Thị B1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Công nhận phần đất tranh chấp cho bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B phát biểu quan điểm: Chị Hồ Thị Thanh N1 là thành viên hộ gia đình, tuy nhiên thời điểm nguyên đơn khởi kiện, do tình hình dịch bệnh nên chị N1 không thể về Việt Nam để tham gia tố tụng, do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định chị Hồ Thị Thanh N1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp. Về nội dung, cấp sơ thẩm đã xem xét vụ án một cách toàn diện, do đó đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu quan điểm: Về tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, do chị N1 là thành viên hộ gia đình, là người thuộc hàng thừa kế của ông N2, nhưng từ khi ông N2 khởi kiện đến sau khi ông N2 chết, chị N1 không có bất kỳ đơn yêu cầu hay văn bản nào thể hiện ý kiến của chị N1, do đó đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo hướng đảm bảo quyền lợi cho bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng, quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Mã Chánh L và bà Nguyễn Thị B1 có đơn kháng cáo hợp lệ, còn trong thời hạn luật định và đúng theo quy định tại các Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn cho rằng có cho bị đơn mượn phần đất tranh chấp để sử dụng và phần đất này nguyên đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; khi cho mượn hai bên có thỏa thuận là khi nào nguyên đơn có nhu cầu sử dụng thì bị đơn sẽ trả lại cho nguyên đơn. Bị đơn thì cho rằng phần đất này bị đơn đã nhận chuyển nhượng của nguyên đơn và không đồng ý trả đất cho nguyên đơn nên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp quyền sử dụng đất là chưa chính xác, bởi vì phần đất tranh chấp phía nguyên đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại quan hệ tranh chấp “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất”.

[2]. Vụ án này trước đây được giải quyết bằng bản án sơ thẩm số 34/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C và Bản án phúc thẩm số 44/2019/DS-PT ngày 07/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang. Bản án phúc thẩm trên đã tuyên hủy bản án sơ thẩm với lý do là việc thu thập chứng cứ chưa được cấp sơ thẩm thực hiện đầy đủ và vi phạm về thủ tục tố tụng. Vụ án được giao về cho Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết lại từ đầu.

[2.1] Ngày 20/8/2019, Tòa án nhân dân huyện C đã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C tiến hành hòa giải lại vụ án theo đúng quy định tại khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013.

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 13/8/2019 (Bút lục số 231) gửi Tòa án nhân dân huyện C, thì đứng đơn khởi kiện gồm ông Hồ Thanh N2, bà Nguyễn Thị B, chị Hồ Xuân H, chị Hồ Thị Thanh N1, chị Hồ Thị Thanh N và anh Hồ Minh Đ, tại mục “Người khởi kiện” ở phần cuối đơn chị N1 có ký tên, tuy nhiên theo thông tin xuất nhập cảnh thì chị N1 đã xuất cảnh ngày 04/5/2019 và đến nay chưa có thông tin nhập cảnh (Bút lục số 255), tức là thời điểm ngày 13/8/2019 chị N1 không có mặt tại Việt Nam, nhưng chị N1 lại có đứng đơn và ký tên vào đơn khởi kiện trên là chưa đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, theo Đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2020 (Bút lục số 215) gửi Ủy ban nhân dân thị trấn B thì người đứng đơn khởi kiện gồm ông N2, bà B, chị H, chị N1, chị N và anh Đ, tuy nhiên tại mục “Người làm đơn” ở phần cuối đơn chị N1 không có ký tên hay điểm chỉ là chưa đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: *“Cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự thì có thể tự mình hoặc nhờ người khác làm hộ đơn khởi kiện vụ án. Tại mục tên, địa chỉ nơi cư trú của người khởi kiện trong đơn phải ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú của cá nhân đó; ở phần cuối đơn, cá nhân đó phải ký tên hoặc điểm chỉ”*.

[2.2] Tại Thông báo về việc thụ lý vụ án ngày 10/3/2020 (Bút lục số 242), cấp sơ thẩm đã xác định ông Hồ Thanh N2, bà Nguyễn Thị B, chị Hồ Xuân H, chị Hồ Thị Thanh N, anh Hồ Minh Đ và chị Hồ Thị Thanh N1 là nguyên đơn; cấp sơ thẩm đã thông báo cho chị H, chị N và anh Đ nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm (Bút lục số 236, 238, 240); đối với bà B và chị N1 cấp sơ thẩm không thông báo cho đương sự nộp tiền tạm ứng án phí là vi phạm Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã xác định ông Hồ Thanh N2 là nguyên đơn trong vụ án, nhưng ông N2 đã chết vào ngày 15/6/2020. Do đó, theo khoản 1 Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 *“Trường hợp đương sự là cá nhân đang tham gia tố tụng chết mà quyền, nghĩa vụ về tài sản của họ được thừa kế thì người thừa kế tham gia tố tụng”*. Việc cấp sơ thẩm nhận định bà Nguyễn Thị B, chị Hồ Xuân H, chị Hồ Thị Thanh N, anh Hồ Minh Đ là nguyên đơn trong vụ án và chị Hồ Thị Thanh N1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chưa đúng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, đối với chị Hồ Thị Thanh N1, cấp sơ thẩm căn cứ vào thông tin xuất nhập cảnh để nhận định rằng, thời điểm Tòa án thụ lý vụ án chị N1 có đi về Việt Nam, hiện còn quốc tịch Việt Nam để xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện C là chưa chính xác. Bởi lẽ, theo Công văn số 3695/QLXNC-P5

ngày 14/12/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh trả lời chị Hồ Thị Thanh N1 đã xuất nhập cảnh 03 lần, lần gần nhất xuất cảnh là ngày 04/5/2019 và chưa có thông tin nhập cảnh. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn cũng xác định, chị N1 hiện nay đang sinh sống ở Hàn Quốc và từ thời điểm cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại vụ án, chị N1 không có về Việt Nam; cấp sơ thẩm không có thông báo hay triệu tập chị N1 tham gia tố tụng, chị N1 biết vụ kiện này là do phía gia đình nguyên đơn gọi điện thoại thông báo. Đồng thời, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn cũng thừa nhận từ trước đến nay chị N1 không có bất kỳ đơn yêu cầu hay văn bản nào thể hiện ý kiến của chị N1 đối với vụ án này; đối với việc tại sao trong Đơn khởi kiện đề ngày 13/8/2019 (Bút lục số 231), Đơn xin vắng mặt đề ngày 22/12/2017 (Bút lục số 47), Bản tự khai đề ngày 22/12/2017 (Bút lục số 94), Giấy ủy quyền đề ngày 09/6/2017 (Bút lục số 122) có chữ ký của chị N1 thì ông không biết. Như vậy, căn cứ vào thông tin xuất nhập cảnh và lời thừa nhận của người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm, có căn cứ xác định thời điểm cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại vụ án thì chị N1 đang ở nước ngoài, cấp sơ thẩm chưa thực hiện các thủ tục tố tụng đối với chị N1 và cũng chưa có văn bản nào thể hiện ý kiến hay yêu cầu của chị N1 đối với vụ án này. Do đó, việc cấp sơ thẩm nhận định quá trình tố tụng chị N1 không có mặt tại Việt Nam, buộc ông L và bà B1 phải trả lại cho bà B, chị H, chị N, anh Đ phần đất tranh chấp, nếu sau này giữa các thành viên hộ gia đình ông N2 gồm bà B, chị H, chị N, anh Đ và chị N1 có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác là giải quyết vụ án chưa dứt điểm, chưa toàn diện, chưa đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đã tước đi quyền yêu cầu, quyền định đoạt, quyền kháng cáo của đương sự, vi phạm quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.4] Tại văn bản ghi nhận ý kiến của chị Hồ Xuân H, chị Hồ Thị Thanh N và anh Hồ Minh Đ (Bút lục số 232, 233) thì chị H, chị N, anh Đ đều xác định không có ký tên vào Đơn khởi kiện đề ngày 13/8/2019, do đó đơn khởi kiện này chưa đảm bảo về hình thức theo quy định Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.5] Đối với việc cấp sơ thẩm miễn tiền án phí cho bà Nguyễn Thị B, ông Mã Chánh L, bà Nguyễn Thị B1 trong khi bà Be, ông L, bà B1 không có đơn xin miễn án phí là chưa đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định nêu trên, việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa được cấp sơ thẩm thực hiện đầy đủ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên cần thiết phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

[3] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Chưa ai phải chịu.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 19 tháng 11 năm 2021.

Nơi nhận:

- VKSND T. Hậu Giang;
- TAND H. C;
- CC. THADS H. C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Văn Luông